

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

VẬN DỤNG CÁCH PHÂN LOẠI HÀNH ĐỘNG NGÔN NGỮ Ở LỜI VÀO VIỆC PHÂN LOẠI CÂU THEO MỤC ĐÍCH NÓI

NGUYỄN MẠNH TIỀN* - DƯƠNG THỊ THÚY VINH**

TÓM TẮT: Bài viết nghiên cứu sự vận dụng cách phân loại hành động ngôn ngữ ở lời và vào việc phân loại câu theo mục đích nói.

Các tác giả bài viết cho rằng giữa cách phân loại hành động ngôn ngữ ở lời và cách phân loại câu theo mục đích nói có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Dựa vào kết quả phân loại hành động ở lời của J.Searle và tiếp thu (có bổ sung) cách phân loại câu theo mục đích nói của ngữ pháp học truyền thống, các tác giả đã tiến hành chia câu tiếng Việt (theo mục đích nói) thành 6 kiểu chính: *câu trình bày, câu nghi vấn, câu khiến, câu cảm thán, câu cam kết, câu tuyên bố*.

TỪ KHÓA: Hành động ngôn ngữ ở lời; câu trình bày; câu nghi vấn; câu cầu khiến; câu cảm thán; câu cam kết; câu tuyên bố.

NHẬN BÀI: 15/2/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 6/3/2022

1. Đặt vấn đề

Lí thuyết về hành động ngôn ngữ (speech act; hành vi ngôn ngữ, hành động nói, hành động ngôn từ) mà người đặt nền móng là nhà triết học người Anh J. L. Austin đã được một số nhà nghiên cứu phát triển và được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu về ngữ dụng học, ngữ pháp học cũng như về ngôn ngữ học nói chung. Mặc dù việc nghiên cứu về hành động ngôn ngữ đã đạt được những thành tựu rất quan trọng nhưng đến nay, không ít vấn đề thuộc lí thuyết này vẫn chưa được giải quyết triệt để, thỏa đáng. Một trong số đó là vấn đề phân loại, xác định các lớp, tiêu lớp hành động ngôn ngữ ở lời (hành động ở lời, hành vi ở lời) và sự vận dụng các kết quả phân loại đó vào việc phân loại câu theo mục đích nói.

Đây cũng chính là vấn đề chúng tôi quan tâm và muốn góp phần làm sáng tỏ thêm trong bài viết này. Theo chúng tôi, việc làm sáng tỏ vấn đề này không chỉ cần thiết, có ý nghĩa đối với việc nghiên cứu các đề tài cụ thể thuộc lĩnh vực hành động ngôn ngữ mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy học về hành động ngôn ngữ nói riêng, về ngữ pháp và ngữ dụng học nói chung.

2.1. Vài nét cách phân loại hành động ở lời

Hành động ngôn ngữ là một trong những khái niệm quan trọng của ngữ dụng học. Theo Đỗ Hữu Châu, "Nói năng cũng là một hoạt động. Và khi con người nói một câu là thực hiện một hành động. Hành động nói (còn gọi là hành vi ngôn ngữ, hành động ngôn ngữ) là hành động được thực hiện khi nói và thực hiện bằng phương tiện ngôn ngữ." [Đỗ Hữu Châu, 2003, tr.88]. Trong cuốn *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học*, Diệp Quang Ban cho rằng thuật ngữ hành động nói "chỉ một hành động được thực hiện trong việc nói ra một điều gì như làm cái việc xin lỗi, việc hứa, việc đề nghị, đưa ra một câu hỏi, đặt một cái tên..." [Diệp Quang Ban, 2010, tr.250]. Như vậy, hành động ngôn ngữ, nói một cách ngắn gọn là *các hành động được thực hiện bằng lời nói*. [Nguyễn Thiện Giáp, 2016, tr.191].

Theo J. L. Austin, có ba loại hành động ngôn ngữ: *hành động tạo lời* (hành động nói ra một điều gì đó); *hành động ở lời* (hành động mà đích của nó nằm ngay trong việc tạo nên câu như: *hỏi, ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, hứa, thề...*); *hành động mượn lời* (hành động nhằm đạt được hiệu quả là tác động đến và gây ra ở người nghe những biến đổi nhất định trong nhận thức, hoạt động) (Dẫn theo [Nguyễn Đức Dân, 2000, tr.17-19]).

Trong ba loại hành động ngôn ngữ trên đây thì hành động ở lời thường được quan tâm nhiều không chỉ vì nó có tính chất rất phức tạp mà còn vì đây là hành động ngôn ngữ có mối quan hệ chặt chẽ nhất với mục đích của câu - vấn đề mà từ lâu ngữ pháp học truyền thống đã đề cập.

Trong nghiên cứu về hành động ở lời, việc phân loại hành động này (xác định các lớp, tiêu lớp trong nó với những tên gọi cụ thể) là vấn đề rất phức tạp và thường gây tranh luận. J.L.Austin chia

* TS: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên; Email: manhtien1286@gmail.com

** Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên; Email: vinhdt@tnue.edu.vn

các hành động tại lời thành 5 lớp: 1. *Phán xét* (gồm những hành động đánh giá về một sự kiện hoặc một giá trị dựa trên những chứng cứ hoặc lí lẽ xác đáng, như: *coi là, định giá trị, ước lượng, trừ tính, lên án, hủy bỏ, định là, phán loại*); 2. *Hành xử* (gồm những hành động thể hiện hoạt động quyền lực, luật lệ hay thể lực, như: *chỉ định, miễn trừ, rút phép thông công, bổ nhiệm, ra lệnh, đặt tên, kết án, bầu cho, truyền lại, di chúc, biện hộ,...*); 3. *Cam kết* (gồm những hành động ràng buộc người nói vào những trách nhiệm, nghĩa vụ nhất định, như: *hứa hẹn, kí kết, giao kèo, thỏa thuận, giao ước, thể bồi, cá cược, tỏ lời,...*); 4. *Ứng xử* (gồm những hành động phản ứng lại những cách xử sự của người khác, những hành động đáp ứng những sự kiện hữu quan có liên quan đến thân phận và thái độ của người khác, như: *xin lỗi, cảm ơn, ca ngợi, chúc mừng, chia buồn, phê phán, chê trách, nguyên rủa, thách thức, ngờ vực,...*); 5. *Bày tỏ* (gồm những hành động dùng để trình bày các quan niệm, dẫn dắt các lập luận, giải thích từ ngữ, bao đảm sự quy dẫn, như: *khẳng định, phủ định, bác bỏ, trả lời, đưa ví dụ, giải thích, minh họa, báo cáo luận điểm,...*) (Dẫn theo [Nguyễn Đức Dân, 2000, tr.23-24]).

Nhận xét về cách phân loại của J.L.Austin, Nguyễn Đức Dân cho rằng "Sự phân loại trên đây, chính J.L.Austin cũng nhận thấy còn có những điều không thỏa đáng: có chỗ chồng chéo, có chỗ còn mơ hồ, không xác định được một cách rõ ràng." [Nguyễn Đức Dân, 2000, tr.24]. Không tán thành cách phân loại của J.L.Austin, (vì cho rằng cách phân loại này dựa trên những tiêu chí chồng chéo nhau và không rõ ràng nên đã có những yếu tố không tương hợp được xếp trong một lớp, lại có những hành vi được xếp vào những lớp khác nhau), J.Searle "chú trọng phân loại các hành động ngôn ngữ dựa vào 3 tiêu chí cơ bản là: 1. *Đích tại lời* (mục đích của hành động); 2. *Hướng của "sự ăn khớp"* (mối quan hệ "ăn khớp" giữa "ngôn từ" với "hiện thực khách quan"); 3. *Trạng thái tâm lí được biểu hiện* (lòng tin vào nội dung mệnh đề nêu trong câu). Dựa trên 3 tiêu chí cơ bản này và một số phương diện bổ sung khác, J.Searle chia các hành động tại lời (hành vi tại lời) thành 5 lớp: 1. *Lớp biểu hiện* (còn được dịch là *trình bày*, gồm các hành động như: *khẳng định, tường thuật, miêu tả, thông tin, giải thích,...*); 2. *Lớp chi phối* (còn được dịch là *điều khiển*, gồm các hành động như: *ra lệnh, thách thức, hỏi, yêu cầu, đề nghị, cho phép,...*); 3. *Lớp cam kết* (gồm các hành động như: *cam đoan, thể, hứa, cho, tặng, biếu,...*); 4. *Lớp biểu cảm* (gồm các hành động như: *xin lỗi, chúc mừng, tán thưởng, cảm ơn, mong muốn, ruồng rẫy, biểu lộ tình cảm vui thích hay khó chịu,...*); 5. *Lớp tuyên bố* (gồm các hành động như: *tuyên bố, kết tội, từ chức, khai trừ, rút phép thông công,...*) (Dẫn theo [Nguyễn Đức Dân, 2000, tr.32-34]).

So sánh cách phân loại của J.L.Austin và J.Searle, Nguyễn Đức Dân đã chỉ ra những nét tương đồng và khác biệt. Sự tương đồng là ở chỗ các lớp *Biểu hiện, Cam kết, Biểu cảm* của J. Searle có sự tương ứng (mặc dù không hoàn toàn) với các lớp *Bày tỏ, Cam kết, Ứng xử* của J.L.Austin. Các lớp hành động còn lại ở hai tác giả có sự khác biệt nhiều hơn. [Nguyễn Đức Dân, 2000, tr.34].

Mặc dù đến nay, ngôn ngữ học vẫn chưa có được sự thống nhất trong việc phân loại các hành động ở lời nhưng có thể thấy cách phân loại hành động ở lời của J.Searle như chỉ ra trên đây là cách phân loại được sử dụng, trích dẫn nhiều nhất trong các công trình nghiên cứu về ngữ pháp và ngữ dụng học. [Nguyễn Đức Dân, 2000, tr.34], [Nguyễn Thiện Giáp, 2000, tr.46-50], [Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lương, 2010, tr.221].

Trong việc phân loại hành động ở lời, một vấn đề cũng được đặt ra là sự phân biệt *hành động ở lời trực tiếp* với *hành động ở lời gián tiếp*. Hành động ở lời trực tiếp thường được hiểu là "hành động được sử dụng đúng với mục đích của nó" [Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lương, 2010, tr.222]. Theo Nguyễn Thiện Giáp, "Hành động ngôn từ trực tiếp là hành động ngôn từ được thực hiện ở những phát ngôn có quan hệ trực tiếp giữa một cấu trúc và một chức năng." (Phát ngôn hỏi được dùng với mục đích hỏi, phát ngôn cầu khiến được dùng với mục đích cầu khiến) [Nguyễn Thiện Giáp, 2000, tr.54]. "Khi có quan hệ gián tiếp giữa một cấu trúc và một chức năng thì chúng ta có một hành động ngôn từ gián tiếp." [Nguyễn Thiện Giáp, 2000, tr.55]. J.Searle - người đề xuất khái niệm *hành vi ngôn ngữ gián tiếp*, định nghĩa hành động tại lời (hành vi tại lời) gián tiếp như sau: "Một hành vi tại lời được thực hiện gián tiếp qua một hành vi tại lời khác sẽ được gọi là một hành vi gián tiếp." (Dẫn theo [Nguyễn Đức Dân, 2000, tr.60]). Chẳng hạn, câu (1): *Anh có thể chuyển ve muối cho tôi được không?* (Can you pass the salt?) "tuy hình thức thì có hành vi tại lời là *hỏi* nhưng mục đích lại không phải là

hỏi mà là một hành vi *để nghị*. Như vậy, hành vi tại lời *để nghị* này đã được thực hiện gián tiếp qua hành vi tại lời *hỏi*. Chúng ta nói hành vi tại lời *để nghị* là một hành vi ngôn ngữ gián tiếp.” (Dẫn theo [Nguyễn Đức Dân, 2000, tr.60]). Hành vi tại lời gián tiếp có hai đặc điểm đáng chú ý:

a) Một hành vi gián tiếp có thể được thực hiện qua những hành vi tại lời khác nhau. Ví dụ:

(2) *Tôi muốn anh bật quạt lên.* / (3) *Anh có thể bật quạt lên được không?*

Những câu (2), (3) có hành vi tại lời là *bày tỏ mong muốn* và *hỏi* nhưng cả hai đều có hành vi gián tiếp là *để nghị*.

b) Cùng một hành vi tại lời có thể tạo ra những hành vi gián tiếp khác nhau. Ví dụ:

(4) *Mấy giờ rồi em?* (hỏi một học sinh đến lớp quá trễ)

(5) *Mấy giờ rồi con?* (Ngày mai thi học kì rồi đó!)

Những câu (4), (5) đều có hành vi tại lời là *hỏi* nhưng có các hành vi gián tiếp là *phê phán* hoặc *nhắc nhở, yêu cầu* (không xem video) [Nguyễn Đức Dân, 2000, tr.61-62].

Qua sự trình bày của Nguyễn Đức Dân trên đây về hành vi ở lời trực tiếp và hành vi ở lời gián tiếp (theo cách hiểu của J.Searle), có thể nhận thấy một điều đáng chú ý: Một câu (ví dụ, câu (1): *Anh có thể chuyển ve muối cho tôi được không?*) có thể đồng thời có hai hành vi ở lời: *hỏi* và *để nghị* nhưng “mục đích lại không phải là *hỏi* mà là một hành vi *để nghị*” [Nguyễn Đức Dân, 2000, tr.60]. Điều vừa chỉ ra dường như có sự mâu thuẫn với cách phân loại hành vi ở lời mà chính J. Searle đưa ra (theo đó, *đích ở lời* hay *mục đích của hành vi* được coi là một trong ba tiêu chí cơ bản để xác định các lớp hành vi ở lời). Vấn đề là ở chỗ: Nếu không có mục đích (*đích ở lời*) *hỏi* (mà chỉ có mục đích *để nghị* như sự phân tích trên đây) thì làm sao có thể dựa vào *đích ở lời* để xác định hành vi ở lời *hỏi*? Để khắc phục mâu thuẫn này (và để đảm bảo sự nhất quán trong cách phân loại hành vi ở lời theo tiêu chí của J. Searle), phải chăng cần cho rằng ở câu (1) có đồng thời hai mục đích (*đích ở lời*): *hỏi* (*mục đích thứ yếu*) và *để nghị* (*mục đích chính yếu*) tương ứng với hai hành vi ở lời là *hỏi* (*hành vi thứ yếu*) và *để nghị* (*hành vi chính yếu*)? Điều bản thảo trên đây đã được J.Searle giải đáp khi ông lưu ý rằng những câu kiểu như câu (1): “*Anh có thể đưa ve muối cho tôi được không?*” hoặc câu (6): “*Anh có thể không dẫm chân lên tôi được không?*” đều gồm hành vi ở lời *hỏi* có “*giá trị tại lời thứ yếu*” và *để nghị* có “*giá trị tại lời chính yếu*” (Dẫn theo [Nguyễn Đức Dân, 2000, tr.65]). Tính phức tạp (tính hai mặt) xét theo phương diện hành vi ở lời của những câu kiểu như câu (1), câu (6) cũng được thể hiện ở câu dưới đây:

(7) A (*để nghị*): *Tối nay đi dự ca nhạc đi.* / (8) B (*trả lời*): *Tối nay mình bận học.*

Phân tích hành vi ở lời trong câu (8), Nguyễn Đức Dân viết: “Trong câu trả lời của B có hai hành vi tại lời. *Hành vi chính yếu* là *từ chối*. Hành vi này được thể hiện qua *hành vi thứ yếu* là *trần thuật*”. [Nguyễn Đức Dân, 2000, tr.63].

Theo chúng tôi, chủ trương phân biệt *hành vi ở lời chính yếu* với *hành vi ở lời thứ yếu* không chỉ có cơ sở thực tế mà còn có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu về hành động ngôn ngữ ở lời, đặc biệt là về hành động ngôn ngữ ở lời gián tiếp. Dưới đây, xin dẫn ra và phân tích một vài trường hợp nữa để làm sáng tỏ thêm nhận xét vừa nêu.

Chẳng hạn, thử so sánh hai câu sau:

(9) *Anh có bật lửa không?!* (10) *Anh cho mượn cái bật lửa.*

Câu (9) thường được nêu ra làm ví dụ về hành động ngôn ngữ gián tiếp với mục đích (*đích ở lời*) là *yêu cầu*. Tuy nhiên, theo cách phân tích của J. Searle, cần cho rằng ở câu này có hai hành động ở lời là *hỏi* (*hành động thứ yếu*) và *để nghị* (*hành động chính yếu*). Cần thấy rằng câu (9) không chỉ khác với câu (10) ở cách thể hiện (số lượng) hành động ở lời mà còn ở bối cảnh xuất hiện: Bối cảnh phù hợp của câu (9) là người *hỏi* không biết rõ người *bên cạnh* (người được *hỏi*) có bật lửa không; còn bối cảnh phù hợp của câu (10) là người *nói* đã biết chắc người *bên cạnh* (người được *yêu cầu*) đang có bật lửa. Ở câu (11) “*Ngày mai sẽ có gió mùa đông bắc đấy.*” cũng có hai hành động ở lời: *Hành động chính yếu* là *để nghị* (Hãy chuẩn bị các phương tiện phòng tránh rét!). Hành động này được thể hiện gián tiếp qua *hành động thứ yếu* là *thông báo*.

Sự trình bày trên đây cho thấy trong nhiều câu cụ thể, hành động ở lời có thể được thể hiện rất phức tạp. Vì vậy, khi phân tích hành động ở lời, đặc biệt là phân tích hành động ở lời gián tiếp, sẽ là thiếu sót nếu bỏ qua hành động ở lời thứ yếu bên cạnh hành động ở lời chính yếu.

2.2. Về cách phân loại câu theo mục đích nói

Vấn đề phân loại câu theo mục đích nói đã được đề cập từ lâu trong ngữ pháp học truyền thống. Với cách phân loại này, câu thường được chia thành 4 loại chính (với các tên gọi khác nhau nhưng có cùng nghĩa): *câu tường thuật (câu trần thuật, câu kể, câu trình bày)*; *câu nghi vấn (câu hỏi)*; *câu cầu khiến (câu mệnh lệnh)*; *câu cảm thán (câu cảm, câu than gọi)*. [Nguyễn Kim Thân, 1964, tr.599-609], [Hoàng Trọng Phiến, 1986, tr.266-291], [Diệp Quang Ban, 2005, tr.209-235], [Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2002, tr.246-257],...

Riêng ở cuốn *Ngữ pháp tiếng Việt* (bằng tiếng Nga) câu được phân loại theo theo *tính tình thái* (theo nghĩa tình thái mục đích phát ngôn) thành 3 loại chính: *câu tường thuật, câu nghi vấn, câu mệnh lệnh*. *Câu cảm thán* tuy có được nhắc đến nhưng không được coi là một loại riêng đối lập với 3 loại trên vì các tác giả của công trình này cho rằng 3 loại câu trên “khi được phát âm với ngữ điệu riêng đều có thể trở thành câu cảm thán” [Быстров. И.С., Нгуен Тай Кан, Н.В.Станкевич, 1975, tr.199-205].

Mặc dù thống nhất về cơ bản trong cách phân loại câu theo mục đích nói (với các loại cơ bản trên đây) nhưng ở mỗi tác giả cũng có sự khác nhau trong cách phân chia cụ thể. Chẳng hạn, ở Nguyễn Kim Thân, *câu tường thuật* được chia thành: *câu khẳng định, câu phủ định; câu nghi vấn* được chia thành: *câu nghi vấn chân chính, câu nghi vấn tu từ học, câu nghi vấn - phủ định, câu nghi vấn - khẳng định, câu nghi vấn - cầu khiến*. [Nguyễn Kim Thân, 1964, tr.599-609].

Như vậy, ở Nguyễn Kim Thân, trên thực tế đã có sự phân biệt câu được dùng để thể hiện hành động ngôn ngữ trực tiếp (*câu hỏi chân chính*, tức là câu hỏi được dùng đúng với mục đích hỏi) và câu được dùng để thể hiện hành động ngôn ngữ gián tiếp (câu hỏi được dùng cùng với mục đích tu từ học và các mục đích khác như: phủ định, khẳng định, cầu khiến).

Cách phân loại câu theo mục đích nói của ngữ pháp học truyền thống mặc dù còn những hạn chế nhất định nhưng giá trị của nó đã được khẳng định bởi thực tiễn nghiên cứu và dạy học ngữ pháp tiếng Việt.

Gần đây, dưới ảnh của lí thuyết hành động ngôn ngữ, cách phân loại câu được coi là “theo mục đích nói” của ngữ pháp học truyền thống thường bị phê phán mạnh mẽ. Chẳng hạn, Cao Xuân Hạo cho rằng cách phân loại câu theo mục đích nói của ngữ pháp học truyền thống “hoàn toàn không đúng với thực tế sử dụng ngôn ngữ.” [Cao Xuân Hạo, 1991, tr.221]. Nguyễn Văn Hiệp nhận xét: “Tuyên bố của ngữ pháp truyền thống rất vô lí, bởi vì trong thực tiễn hành ngôn, câu có thể được dùng với hàng trăm mục đích khác nhau (*hỏi, ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, xin lỗi, an ủi, chào, tuyên án, bác bỏ, mời, van xin, cầu khẩn, bộc lộ cảm xúc* ...) chứ không phải chỉ 4 mục đích phát ngôn... Sự thật là ngữ pháp truyền thống đã “tuyên bố một một đàng làm một nẻo”, tất cả 4 kiểu câu của ngữ pháp truyền thống thực chất đều được phân loại theo dấu hiệu ngữ pháp.” [Nguyễn Văn Hiệp, 2009, tr.342].

Theo chúng tôi, những đánh giá, phê phán trên đây đối với cách phân loại câu theo mục đích nói của ngữ pháp học truyền thống mặc dù có cơ sở nhất định nhưng có phần hơi nặng nề và có lẽ cũng không thật sự công bằng, vì:

a) Việc ngữ pháp học truyền thống chia câu theo mục đích nói thành 4 loại chính có thể chưa đầy đủ, chưa bao quát được tất cả các loại câu (chẳng hạn, chưa bao gồm các loại câu thể hiện hành động *tuyên bố, cam kết*) nhưng dù sao cũng cần thấy rằng đây là cách phân chia thể hiện một cách nhìn khái quát: Mỗi loại trong 4 loại câu đều bao gồm nhiều kiểu cụ thể. Chẳng hạn, *câu trình bày (câu trần thuật)*, bao gồm các kiểu cụ thể như: *kể, miêu tả, nhận định, khẳng định, phủ định, giải thích, dự đoán*...; *câu cầu khiến* gồm các kiểu cụ thể như: *cảm, ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, mời, khuyên, cho phép, xin*... Nói về tính khái quát của 4 loại câu phân loại theo mục đích nói (*câu trình bày, câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán*), Diệp Quang Ban cho rằng: “Mỗi lời được nói ra, viết ra đều thuộc về một trong bốn kiểu câu vừa nêu.” [Diệp Quang Ban, 2005, tr.210].

b) Cũng cần chỉ ra rằng việc ngữ pháp học truyền thống chia câu thành 4 loại trên có sự tương ứng ở mức độ nhất định (sự tương ứng không hoàn toàn) với cách phân loại hành động ngôn ngữ ở lời. Chẳng hạn, trong cách chia các hành vi ở lời thành 5 lớp của J.Searle, *Lớp trình bày* tương ứng cơ bản với *câu trình bày (câu trần thuật)*; *Lớp chi phối (điều khiển)* về cơ bản, tương ứng với *câu hỏi, câu cầu khiến*; *Lớp biểu cảm* về cơ bản, tương ứng với *câu cảm thán*. (Các lớp *cam kết, tuyên bố* ở J.Searle chưa được thể hiện rõ trong các loại câu phân loại theo mục đích nói của ngữ pháp học truyền thống).

c) Việc cho rằng ngữ pháp học truyền thống chia câu theo mục đích nói thành 4 loại cơ bản là không tương ứng với “hàng trăm mục đích phát ngôn khác nhau” cũng là sự phê phán không hoàn toàn thỏa đáng. Trên thực tế, mặc dù có hàng trăm hành động ở lời (hành động ngôn ngữ) khác nhau (thậm chí, theo Cao Xuân Hạo, “danh sách các hành động đó có thể kéo dài hầu như vô tận” [Cao Xuân Hạo, 1991, tr.211]) nhưng các nhà nghiên cứu cũng thường chỉ khái quát, phân chia thành 5 lớp. Rõ ràng việc phân loại câu theo mục đích nói cũng như việc phân loại các hành động ở lời (có mục đích là xác định các loại câu, các lớp hành động cơ bản có tính khái quát) và việc miêu tả cụ thể các kiểu nhỏ, các tiêu lớp trong chúng là hai công việc mặc dù có liên quan mật thiết với nhau nhưng có tính chất, mục đích khác nhau. Do đó, sẽ là không thực tế nếu đòi hỏi một sự phân loại tỉ mỉ đến từng kiểu câu (theo mục đích nói), đến từng tiêu lớp (hành động ở lời) cụ thể.

d) Mặc dù cách phân loại câu của ngữ pháp học truyền thống có những hạn chế nhất định như đã chỉ ra (chưa bao quát được các loại câu thể hiện hành động *cam kết, tuyên bố*) nhưng không thể không thừa nhận rằng về bản chất, đây là cách phân loại câu theo mục đích nói (ví: *Lẽ nào trình bày (trần thuật), hỏi, cầu khiến, cảm thán* lại không phải là mục đích phát ngôn hay mục đích nói?).

e) Thực tế cho thấy các tác gia không tán thành hay có cái nhìn phê phán đối với cách phân loại truyền thống đều vẫn chủ trương kế thừa, tiếp thu (*về cơ bản hay một phần*) cách phân loại câu theo mục đích nói của ngữ pháp học truyền thống. Chẳng hạn, Cao Xuân Hạo chủ trương “căn cứ vào hình thức ngữ pháp, *tiếp thu cách phân loại cũ về cơ bản* và coi giá trị ngôn ngữ như một tình thái (của hành động phát ngôn) lồng vào câu hỏi vốn cũng chứa đựng một mệnh đề...”, chia câu tiếng Việt thành hai loại lớn: *câu trần thuật* và *câu nghi vấn (câu mệnh lệnh* được tác giả coi như là “một tiêu loại của câu trần thuật”, câu cảm thán không được đề cập hay xem như một loại riêng). [Cao Xuân Hạo, 1991, tr.211]. Bùi Mạnh Hùng chủ trương chia câu “theo dấu hiệu hình thức *gắn với mục đích phát ngôn điển hình*” thành 4 loại: *câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán, câu trần thuật* (Dẫn theo [Nguyễn Văn Hiệp, 2009, tr.344-348]). Tán thành cách phân loại câu của Bùi Mạnh Hùng, Nguyễn Văn Hiệp phân chia câu “*theo mục đích phát ngôn*” thành 4 loại: *câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán, câu trần thuật*. [Nguyễn Văn Hiệp, 2009, tr.348-351].

Như vậy, có thể thấy ngay ở các tác gia không tán thành cách phân loại câu theo mục đích nói của ngữ pháp học truyền thống, tiêu chí phân loại thực chất *vẫn dựa vào mục đích nói (mục đích phát ngôn)*; còn số lượng và tên gọi các loại câu được đưa ra về cơ bản, không khác với kết quả phân loại truyền thống.

2.3. Đề xuất cách phân loại câu theo mục đích nói dựa trên kết quả phân loại hành động ở lời

Theo chúng tôi, cách phân loại câu theo mục đích nói của ngữ pháp học truyền thống có mối quan hệ chặt chẽ và có sự tương ứng nhất định với cách phân loại hành động ở lời. Điều này đã được Nguyễn Thiện Giáp khẳng định trong cuốn *Dụng học Việt ngữ*: “Ngữ pháp truyền thống khi nghiên cứu các câu phân loại theo mục đích nói thì thực tế đã nghiên cứu các biểu thức ngôn ngữ của những hành động ngôn ngữ tương ứng.” [Nguyễn Thiện Giáp, 2000, tr.51-52]. Bùi Minh Toán cũng cho rằng: “Trong ba loại hành động nói thì “hành động ở lời có quan hệ gắn bó nhất với mục đích của câu.” [Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lương, 2010, tr.221].

Như vậy, ý kiến chung của các nhà nghiên cứu là thừa nhận rằng cách phân loại câu của ngữ pháp học truyền thống thành 4 loại như đã chỉ ra trên đây về thực chất, chính là cách phân loại câu theo mục đích nói hay nghĩa tình thái mục đích phát ngôn. Hạn chế của cách phân loại này chủ yếu thể hiện ở chỗ nó chưa bao quát được các loại câu thể hiện hành động *cam kết, tuyên bố* và chưa thấy hết tính phức tạp của sự đối lập hay ranh giới giữa các loại câu xác định theo mục đích nói. Tính phức

tạp này thể hiện ở sự tồn tại của những câu trung gian thể hiện đồng thời hai (hay nhiều) hành động ở lời (*hành động chính yếu và hành động thứ yếu*) như J.Searle và Nguyễn Đức Dân đã chỉ ra.

Theo quan niệm trên, căn cứ vào kết quả phân loại hành động ở lời của J.Searle, tiếp thu (có điều chỉnh, bổ sung) cách phân loại câu theo mục đích nói của ngữ pháp học truyền thống và dựa vào cách phân loại câu đã trình bày trong cuốn *Ngữ pháp tiếng Việt* [Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Mạnh Tiên, 2017, tr.539-551], dưới đây, chúng tôi đề xuất cách phân loại câu trong tiếng Việt theo tiêu chí: dựa chủ yếu vào mục đích nói (nghĩa tình thái mục đích phát ngôn) có kết hợp với dấu hiệu hình thức (được coi như một tiêu chí bổ trợ).

Với tiêu chí trên, ngoài bốn loại câu đã được xác định trong ngữ pháp học truyền thống (có sự điều chỉnh về tên gọi, phạm vi), chúng tôi đề nghị bổ sung hai loại nữa là *câu cam kết* và *câu tuyên bố*. Hai loại câu được bổ sung này biểu thị các hành động ở lời thuộc lớp *cam kết* (commissive) và *tuyên bố* (declararation) theo cách phân loại của J.Searle. Với sự bổ sung hai loại câu này và sự điều chỉnh về tên gọi, phạm vi, hệ thống câu được phân loại theo mục đích nói sẽ gồm 6 loại chính: *câu trình bày*, *câu nghi vấn*, *câu cầu khiến*, *câu cảm thán*, *câu cam kết*, *câu tuyên bố*. 6 loại câu này bao quát được tất cả các kiểu câu cụ thể và tương ứng với 5 hành động tại lời ở J.Searle (vì riêng hành động *chi phối* hay *điều khiển* tương ứng với hai kiểu câu: *câu hỏi* và *câu cầu khiến*).

Các loại câu phân loại theo mục đích nói có thể tồn tại ở hai dạng: *dạng điển hình* và *dạng không điển hình*. Ở dạng điển hình, hành động ở lời được thực hiện trực tiếp, tức là “có quan hệ trực tiếp giữa một cấu trúc và một chức năng” (câu trình bày trực tiếp thể hiện hành động trình bày, câu hỏi trực tiếp thể hiện hành động hỏi...). Ở dạng không điển hình, hành động ở lời có thể thực hiện một cách gián tiếp, tức là “có quan hệ gián tiếp giữa một cấu trúc và một chức năng”. (Câu trình bày bên cạnh việc thể hiện trực tiếp hành động trình bày có tính thứ yếu còn gián tiếp thể hiện hành động ở lời chính yếu khác - như câu khiến. Câu hỏi bên cạnh việc thể hiện trực tiếp hành động hỏi có tính thứ yếu còn gián tiếp thể hiện hành động ở lời chính yếu khác - như câu khiến, cảm thán). Đối với những câu được phân loại theo mục đích nói ở dạng không điển hình, có một vấn đề đặt ra là cách xếp loại, gọi tên chúng. Vì những câu ở dạng này đều thể hiện hai hành động ở lời (chính yếu và thứ yếu) nên có thể có hai giải pháp: gọi tên và xếp loại chúng theo *hành động trực tiếp thứ yếu* hoặc gọi tên và xếp loại chúng theo *hành động gián tiếp chính yếu*. Ở bài viết này, chúng tôi tạm thời chọn giải pháp thứ nhất (gọi tên, xếp loại câu không điển hình dựa vào hành động ở lời trực tiếp và có tính đến tiêu chí bổ trợ là mặt hình thức - cấu trúc - của câu).

Dưới đây là hệ thống câu tiếng Việt được phân loại theo mục đích nói với các loại cơ bản và các kiểu cụ thể phổ biến.

1) Các loại câu phân loại theo mục đích nói điển hình

a) *Câu trình bày*

Loại câu này biểu thị các hành động ở lời thuộc *Lớp biểu hiện* (theo cách phân loại của J.Searle). Câu trình bày biểu thị sự thông báo hay ý xác nhận một sự việc đã, đang, sẽ diễn ra hoặc không diễn ra theo sự hiểu biết, suy nghĩ của người nói.

Thuật ngữ *câu trình bày* có nội dung về cơ bản tương ứng với các thuật ngữ *câu trần thuật*, *câu tường thuật*, *câu kể* trong ngữ pháp học truyền thống nhưng có nghĩa rộng hơn.

Câu trình bày bao gồm những kiểu cụ thể phổ biến như:

- Trần thuật (kể lại) một sự việc. Ví dụ:

(12) *Hôm qua, hai lính Pháp ở Phủ Thông ra hàng.* (Nam Cao)

- Dự báo về một sự việc sẽ diễn ra. Ví dụ:

(13) *Chúng nó sẽ còn ra hàng nhiều hơn nữa.* (Nam Cao)

- Miêu tả cảnh vật. Ví dụ:

(14) *Giăng là cái đĩa bạc trên tấm thảm nhung da trời.* (Nam Cao)

- Nhận định về một tình hình. Ví dụ:

(15) *Cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hi sinh nhiều hơn nữa, song nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn.* (Hồ Chí Minh)

Câu trình bày tồn tại ở hai dạng: khẳng định và phủ định.

- Dạng khẳng định. Ví dụ:

(16) *Cô Mị về làm dâu nhà Pá Tra đã mấy năm.* (Tô Hoài)

- Dạng phủ định. Ví dụ:

(17) *Thư không tin hẳn ở San.* (Nam Cao)

b) **Câu nghi vấn**

Loại câu này biểu thị các hành động ở lời thuộc *Lớp chi phối* hay *điều khiển* (theo cách phân loại của J.Searle).

Câu nghi vấn điển hình (chính danh) là những câu chứa đựng nội dung mà người nói thấy cần làm sáng tỏ bằng câu trả lời nhất định. Ví dụ:

(18) *Anh đã viết được cái gì thú chưa?* (Nam Cao) / (19) *Bà phán có về không?* (Thạch Lam)

c) **Câu cầu khiến**

Loại câu này cũng biểu thị các hành động ở lời thuộc *Lớp chi phối* hay *điều khiển* (theo cách phân loại của J.Searle): *cấm, cho phép, mời, khuyến, nhờ, ra lệnh, đề nghị, yêu cầu, xin...* Ví dụ:

(20) *Tôi khuyến anh đừng quấy rầy tôi lúc này.* (Ngữ văn 11, 2007)

(21) *Mời các bà cứ xơi đi cho.* (Thạch Lam)

(22) *Cậu Trường hãy ở chơi ăn cơm đã.* (Thạch Lam)

(23) *Ông cấm mày nói.* (Nguyễn Công Hoan)

(24) *Em đừng mắng anh mà oan!* (Nguyễn Công Hoan)

d) **Câu cảm thán**

Kiểu câu này biểu thị các hành động ở lời thuộc *Lớp biểu cảm* (theo cách phân loại của J.Searle) với hành động (cử chỉ) cụ thể phổ biến sau:

- Phấn khởi, vui mừng, xúc động. Ví dụ:

(25) *Aha!* (Nhà vừa sắm được của quý.) (Kim Lân)

(26) *Ôi giờ ơi!* (Anh! Quý hóa quá!) (Nam Cao)

- Chào mừng, chúc mừng. Ví dụ:

(27) *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên!* (Tố Hữu)

- Ngạc nhiên. Ví dụ:

(28) *Ồ hay!* (Tôi cứ tưởng cậu ta là cháu). (Nam Cao)

(29) *Ồ hay!* (Mợ giận tôi đấy à?) (Nguyễn Công Hoan)

- Kính trọng, yêu quý, thân mật, gần gũi. Ví dụ:

(30) *Bác ơi!* (Tố Hữu) / (31) *Thư rất thân mến.* (Nam Cao)

- Ca ngợi, thán phục. Ví dụ:

(32) *Vinh dự thay anh kếp Tư Bên!* (Nguyễn Công Hoan)

(33) *Thật vĩ đại cái trầm lặng đầy tin tưởng của những con người!* (Thép Mới)

- Cảm ơn. Ví dụ:

(34) *Cảm ơn anh!* (Thạch Lam)

(35) *Em cảm ơn anh lắm!* (Nam Cao)

- Ân hận, cáo lỗi. Ví dụ:

(36) *Xin lỗi ông.* (Thạch Lam) / (37) *Tôi xin lỗi ông.* (Nguyễn Công Hoan)

- Bực bội, khó chịu. Ví dụ:

(38) *Con với cái!* (Nam Cao) / (39) *Già dối ời là già dối!* (Nam Cao)

- Tức giận, khinh bỉ, nguyên rủa. Ví dụ:

(40) *Đồ lục súc!* (Nam Cao) / (41) *Đồ phân trác!* (Nam Cao)

- Đau đớn, xót thương. Ví dụ:

(42) *Đau đớn thay cho những kiếp sống khao khát vươn lên nhưng lại bị áo com ghi sát đất!* (Nam Cao)

(43) *Đau đớn thay phận đàn bà!* (Nguyễn Du)

e) **Câu cam kết**

Loại câu này biểu thị các hành động ở lời thuộc *Lớp cam kết* (theo cách phân loại của J.Searle): *cam đoan, cam kết, hứa, thề...* Ví dụ:

(44) Tôi hứa sẽ trả lãi cho chị với mức 20% một tháng.

(45) Anh thể rằng sẽ chu toàn danh tiết cho Nguyệt. (Nguyễn Công Hoan)

g) Câu tuyên bố

Loại câu này biểu thị các hành động ở lời thuộc *Lớp tuyên bố* (theo cách phân loại của J.Searle): *tuyên bố, tuyên án, tuyên phạt, tuyên xử...* Ví dụ:

(46) Tôi tuyên bố khai mạc đại hội.

(47) Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trình trọng tuyên bố với thế giới rằng nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập. (Hồ Chí Minh)

2) Các loại câu phân loại theo mục đích nói không điển hình

Việc xác định, phân tích các loại câu phân loại theo mục đích nói không điển hình khá phức tạp và còn ít được chú ý. Chưa có điều kiện nghiên cứu đầy đủ về các loại câu này, ở đây, chúng tôi chỉ xin đề cập đến hai loại phổ biến đã được thừa nhận tương đối rộng rãi. Đó là câu trình bày không điển hình và câu nghi vấn không điển hình. Các loại câu này thể hiện hai hành động ở lời: *hành động trực tiếp - thứ yếu* và *hành động gián tiếp - chính yếu*.

a) Câu trình bày không điển hình

- Câu trình bày - cầu khiến (yêu cầu, đề nghị). Ví dụ:

(48) Trời sắp mưa đấy. → Gián tiếp hay ngầm tỏ ý: yêu cầu mang quần áo phơi ở ngoài vào.

- Câu trình bày - nghi vấn

(49) Uống thuốc X, bác Trị đã bỏ hẳn được thuốc lá rồi đấy → Ngầm thể hiện ý hỏi: Anh có uống thuốc X không? (Ví dụ của Nguyễn Đức Dân).

b) Câu nghi vấn không điển hình (câu hỏi không chính danh)

- Câu nghi vấn - cầu khiến. Ví dụ:

(50) Anh có thuốc lá không? → Gián tiếp đề nghị: xin thuốc lá.

- Câu nghi vấn - khẳng định. Ví dụ:

(51) Dân gian ai chẳng có lòng trung quân ái quốc? (Nguyễn Huy Tường) → Gián tiếp thể hiện ý khẳng định: Dân gian ai cũng có lòng trung quân ái quốc.

- Câu nghi vấn - phủ định. Ví dụ:

(52) Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu? (Nam Cao) → Gián tiếp thể hiện ý phủ định: Ta chẳng có quyền giữ cho ta một tí gì.

- Câu nghi vấn - biểu cảm. Ví dụ:

(53) Sao mà cái đời nó tù túng, nó chật vật, nó bản tiện thế? (Nam Cao) → Ngầm thể hiện ý: than thở, oán hận.

(53) Vì sao hơi miền Nam chiến đấu

Người hiền ngang không chịu cúi mình? (Tổ Hữu) → Ngầm bày tỏ sự ca ngợi.

3. Kết luận

Trong nghiên cứu về hành động ngôn ngữ, việc nghiên cứu về hành động ở lời có vị trí, ý nghĩa rất quan trọng. Kết quả nghiên cứu về vấn đề này không chỉ giúp phân loại, xác định các lớp, tiểu lớp hành động ở lời mà còn tạo cơ sở cần thiết cho việc phân loại câu theo mục đích nói - một vấn đề luôn được quan tâm trong hầu hết các công trình nghiên cứu về câu hay cú pháp nói chung.

Mặc dù có nhiều cách phân loại hành động ở lời khác nhau nhưng đến nay, cách phân loại của J.Searle (theo đó, xác định 5 lớp hành vi ở lời) là cách phân loại được thừa nhận, sử dụng rộng rãi hơn cả. Điều đáng chú ý trong cách phân tích hành động ở lời của J.Searle là việc chỉ ra tính phức tạp của hành động ở lời trong những câu có tính trung gian thể hiện đồng thời hai hành động ở lời: *trực tiếp - thứ yếu* và *gián tiếp - chính yếu*. Đáng tiếc là cách phân tích này còn ít được chú ý.

Vấn đề phân loại hành động ở lời (dựa trên một trong các tiêu chí quan trọng hàng đầu là *đích ở lời*) rõ ràng có mối quan hệ chặt chẽ với vấn đề phân loại câu theo mục đích nói. Mặc dù còn có những ý kiến khác nhau về vấn đề bản chất của cách phân loại câu theo mục đích nói (mục đích phát ngôn) trong ngữ pháp học truyền thống nhưng về cơ bản, cách phân loại đó đã dựa trên mục đích nói thật sự (tuy còn những hạn chế nhất định).

Sự phân loại câu mà chúng tôi đề xuất chính là sự vận dụng kết quả cách phân loại hành động ở lời của J.Searle và sự tiếp thu (có điều chỉnh, bổ sung) cách phân loại câu theo mục đích nói của ngữ pháp học truyền thống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bùi Minh Toán (Chủ biên) (2010), Nguyễn Thị Lương, *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học Sư phạm.
2. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Quyển I, Nxb Khoa học Xã hội.
3. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
4. Diệp Quang Ban (2010), *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
5. Đỗ Hữu Châu (2003), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, Nxb Giáo dục Hà Nội.
6. Hoàng Trọng Phiến (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt. Câu*, Nxb Đại học và THCN, Hà Nội.
7. Nguyễn Kim Thân (1964), *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Nguyễn Thiện Giáp (2016), *Từ điển khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Hiệp (2009), *Cú pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
11. Nguyễn Văn Lộc (Chủ biên), Nguyễn Mạnh Tiến (2017), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
12. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002.

Tiếng Nga

13. Быстров. И.С (1975), *Нгуен Тай Кан, Н.В.Станкевич. Грамматика Вьетнамского языка*, Издательство Ленинградского университета, Ленинград.

Applying ways of linguistic illocutionary acts classification to classify sentences according to speaking purposes

Abstract: The article studies the application of linguistic illocutionary acts classification in a speech to classify sentences based on the purpose of the speaker

The writers believe that there is a close relationship between the classification of linguistic illocutionary acts and the classification of sentences according to the purpose of the speaker. Based on J. Searle's analysis on acts illocutionary classification and studying the method of classifying sentences according to the speaking purposes of traditional grammar, the authors have divided Vietnamese sentences (according to speaking purposes) into 6 main categories: statement/declarative sentence/ indicative sentence, interrogative sentence, imperative sentence, interjective sentence, commitment sentence, and declaration sentence.

Key words: linguistic illocutionary acts; statement/ declarative sentence/ indicative sentence; interrogative sentence; imperative sentence; interjective sentence; commitment sentence; and declaration sentence.